

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ THỊ
HỒNG GÁM PHƯỜNG ĐẠT HIẾU- TX BUÔN HỒ - TỈNH ĐẮK LẮK
NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế công khai ban hành kèm theo Quyết định số 23a /QĐ-LTHG ngày 12/9/2024 của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gám;

Căn cứ Kế hoạch số 30 ngày 11/2024 của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gám về việc thực hiện Quy chế công khai ban hành kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-LTHG ngày 12/9/2024 của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gám.

Mục 1:

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ THỊ HỒNG GÁM

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 38, đường Lương Thế Vinh - phường Đạt Hiếu- thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại: 0944910330

- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <http://lethihonggam.buonho.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thị xã Buôn Hồ

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường được xác định tại kế hoạch số 32/KH-LTHG ngày 12/10/2021 kế hoạch chiến lược phát triển của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gám giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 và được điều chỉnh, bổ sung vào năm 2024. Cụ thể:

4.1. Về sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục cấp tiểu học của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng

lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Mục tiêu: Giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để góp phần hình thành nhân cách cho các em.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm được thành lập năm 2009, trong thời gian qua đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách xứng đáng với trọng trách cũng như niềm tin mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, đến nay nhà trường đang từng bước phát triển toàn diện về giáo dục: Năm 2023 trường đã được công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng đạt mức độ 3. Năm học 2021- 2022 trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, được thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; Năm học 2022- 2023 trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong 15 năm thực hiện phong trào thi đua góp phần xây dựng và phát triển thị xã Buôn Hồ (2008-2023), được tỉnh ủy Đắk Lắk tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 14/11/2013 của của ban chấp hành trung ương đảng(khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ; năm học 2023-2024 trường đạt tập thể lao động xuất sắc, được chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tặng bằng khen.

6. Thông tin người đại diện pháp: NGUYỄN THỊ HẠNH

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0944910330
- Địa chỉ thư điện tử: hanhhonggam13@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: số 100 /QĐ-UBND ngày 19/5/2009 của UBND thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk (kèm theo).

b) Căn cứ vào Quyết định số 86/QĐ-GDĐT ngày 23 tháng 5 năm 2020 của Phòng GD&ĐT thị xã Buôn Hồ về việc thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm nhiệm kỳ 2020-2025.

(1) Bà Nguyễn Thị Hạnh - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng

(2) Bà Nguyễn Thị Lan - CTCD

Chủ tịch

(3) Bà Dương Thị Tuyết - giáo viên

Thư ký HĐ;

- Các thành viên:

(5) Bà Võ Thị Ánh Nga - Phó Hiệu trưởng;

(6) Ông Y ZEN NIÊ - Ban Đại diện cha mẹ học sinh;

(7) Bà Trần Thị Thùy Dung – Tổng phụ trách đội;

(8) Bà Bùi Thị Thanh Danh - Tổ trưởng tổ chuyên môn khối 5;

(9) Bà Lê Thị Long - Tổ trưởng tổ văn phòng.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hạnh - Quyết định số 3195 /QĐ-UBND ngày 21/08/2023 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường TH Lê Thị Hồng Gấm (kèm theo).

- Phó Hiệu trưởng: Võ Thị Ánh Nga - Quyết định số 4721/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường TH Lê Thị Hồng Gấm (kèm theo).

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục (văn bản kèm theo); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Điều 3, Điều lệ trường tiểu học:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

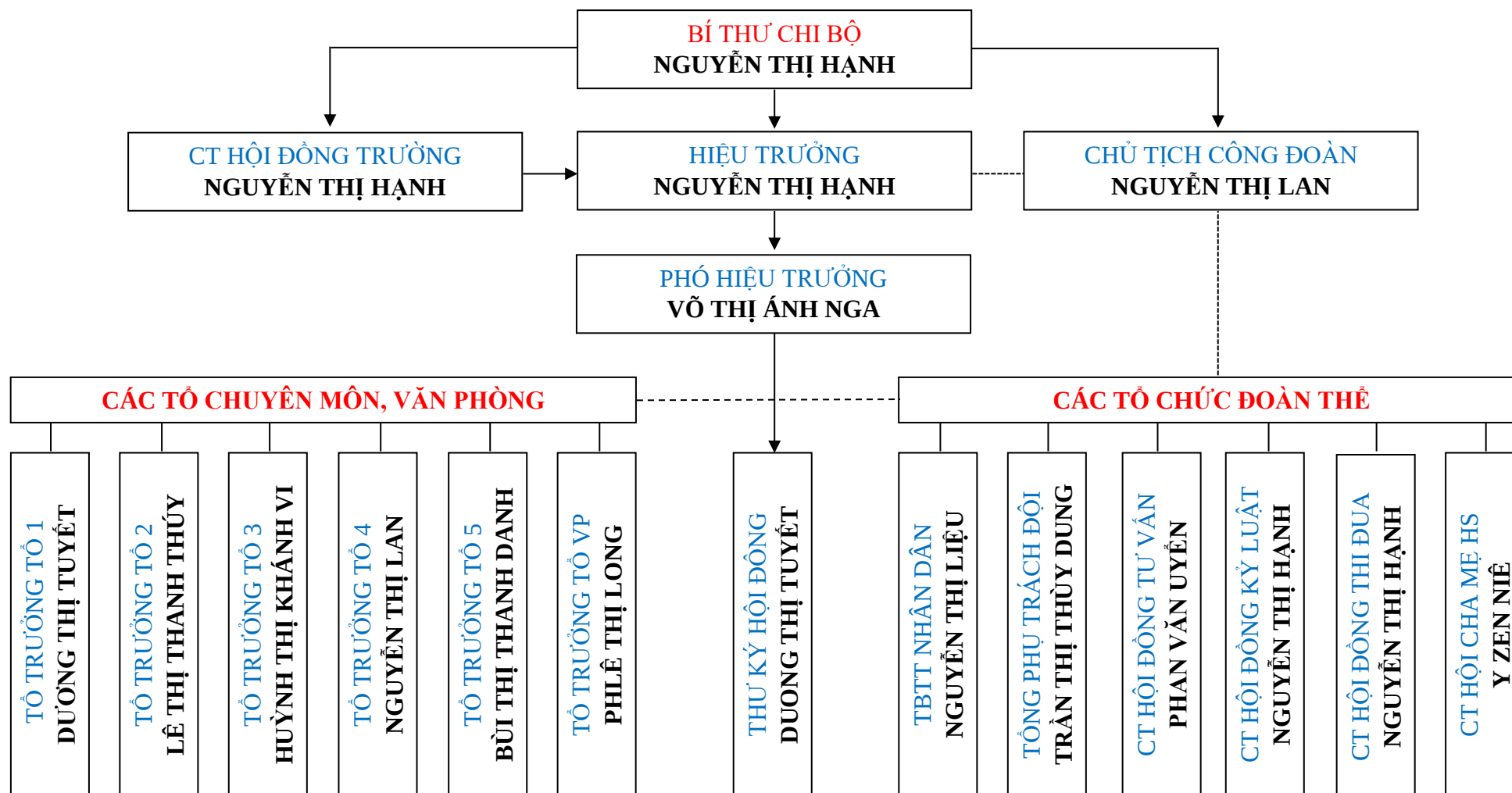
- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024-2025



Ghi chú: -----: Phối hợp; —>: chỉ đạo

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Gmail
1	Nguyễn Thị Hạnh	Hiệu trưởng	0944910330	hanhhonggam13@gmail.com
2	Võ Thị Ánh Nga	P. Hiệu trưởng	0911317377	voanhngalthg@gmail.com
3	Lương Thị Tuyết	Giáo viên	0912025994	luongtuyetgv@gmail.com
4	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	0386997245	nguyenhuyen59leloi@gmail.com
5	Lê Thị Thu Hương	Giáo viên	0979405943	lethithuhuong943@gmail.com
6	Nguyễn Thị Liệu	Giáo viên	0379512311	nguyenthilieu30972@gmail.com
7	Nguyễn Đình Chung	Giáo viên	0946674747	nguyendinhchung0802@gmail.com
8	Bùi Thị Thanh Danh	Giáo viên	0918912404	buidanh76@gmail.com
9	Phan Văn Uyên	Giáo viên	0944363508	phanvanuyen70@gmail.com
10	Hoàng Thị Nam Phi	Giáo viên	0947114579	namphihoang@gmail.com
11	Đậu Tuấn Hòa	Giáo viên	09481456309	đautuanhoalthg76@gmail.com
12	Nguyễn Thị Thọ	Giáo viên	00889501105	nguyenthithohonggam@gmail.com
13	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	0935612776	lanhonggam2012@gmail.com
14	Lê Thị Miên	Giáo viên	09646782069	lethimien033@gmail.com
15	Trần Thị Thùy Dung	Giáo viên	0916902103	dungthuytran1981@gmail.com
16	Nguyễn Thị Hường	Giáo viên	0974882916	nguyenhuongtm2013@gmail.com
17	Trần Thị Thúy Hằng	Giáo viên	0975131039	tranthithuyhang19@gmail.com
18	Nguyễn Thị Bích Hoài	Giáo viên	09880737680	bichhoai5779@gmail.com
19	H Quý Kriêng	Giáo viên	0984090779	quykrieng@gmail.com
20	Lê Thị Thanh Thúy	Giáo viên	‘0949931343	thanhthuy.dk1990@gmail.com
21	Lê Thị Thắm	Giáo viên	0365210696	thamle9221@gmail.com
22	Hoàng Lê Vi	Giáo viên	0946737320	hoangvi277@gmail.com
23	Huỳnh Thị Khánh Vi	Giáo viên	0945294243	khanhvi22101989@gmail.com
24	Đào Minh Hoàng	Giáo viên	0936750757	hoinguyen12091995@gmail.com
25	Le Thị Thu Hương	Giáo viên	0978862021	lethithuhuong2021@gmail.com
26	Lê Thị Long	Thư viện	0978196453	lelong3051982@gmail.com
27	Lê Thị Phúc	Kế Toán	0949731155	lephuckt2010@gmail.com
28	Văn Thị Thanh Nhân	Văn thư-TQ	0935089680	thanhnhanbh1988@gmail.com
29	Lương Văn Tiến	Bảo Vệ	0974141785	
30	Dương Thị Tuyết	Giáo viên	0944133347	duongthituyet17@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có văn bản kèm theo).

Điều 5. Thu, chi tài chính (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2023

ĐV tính: đồng

a) Dự toán năm 2023

Dự toán năm 2023		
Nguồn kinh phí tự chủ	Chi lương và các khoản thuộc lương.	4.102.490.000
	Chi thường xuyên gồm lương HĐ 111; chế độ khuyết tật, thể dục, mua sắm, sửa chữa, hoạt động chuyên môn ...	770.400.000
Nguồn kinh phí không tự chủ	Mua sắm thiết bị lớp 3	70.000.000
Nguồn cải cách tiền lương	Kinh phí cải cách tiền lương	427.362.000

b) Quyết toán năm 2023

Quyết toán năm 2023		
Nguồn kinh phí tự chủ	Chi lương và các khoản thuộc lương.	4.164.861.526
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng.	461.803.023
	Chi khác	246.225.451
Nguồn kinh phí không tự chủ	Mua sắm thiết bị lớp 3	70.000.000
Nguồn cải cách tiền lương	Chi lương và các khoản thuộc lương tăng thêm theo ND 24/2023.	416.792.214

Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2023-2024

[illegible]

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2024-2025

Stt	Nội dung	Số tiền/ học sinh/ năm (đơn vị tính: đồng)					Ghi chú
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
I	Các khoản thu hộ trong nhà trường						
1	Bảo hiểm y tế	821.340	821.340	821.340	821.340	821.340	12 tháng
2	Các khoản thu của các tổ chức hội, đoàn thể trong nhà trường						
2.1	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000 đ/hs/ năm
2.2	Quỹ đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh			9.000	18.000	18.000	
II	Các khoản thu tự nguyện phục vụ trực tiếp cho học sinh						
1	Bảo hiểm thân thể học sinh	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	Không bắt buộc
2	Tiền học kỹ năng sống, Hoạt động ngoài giờ chính khóa	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	01 tiết/ tuần
3	Thu tiền dạy học ngoại ngữ, tin học đối với học sinh khối lớp 1, 2	5.000 đ/tiết	5.000 đ/tiết				9 tháng học
4	Tiền VS quang cảnh trường học	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000 đ/ hs/ năm
III	Đối với các khoản vận động tài trợ						

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học (năm học 2023-2024): Học sinh nghèo: cấp cho 2 lượt học sinh với số tổng số tiền là 10.200.000 đồng (hỗ trợ chi phí học tập).

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Mục 3

CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2024-2025:

[illegible]

8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
9	Nhân viên bảo vệ	01						01					

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
I	Số phòng học/ số lớp	16/15	m ² / học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	25	-	
2	Phòng học bán kiên cố		-	
3	Phòng học tạm		-	
4	Phòng học nhờ, mượn		-	
III	Số điểm trường lẻ	-	-	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6574	13,9 m ² /học sinh	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2039	4,3	
VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	40	1,1	
2	Diện tích thư viện (m ²)	40	1,1	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)			
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	35	1,0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)			
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	1,7	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	35	1,0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)			
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	35		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định (bộ)	20	4	
1.1	Khối lớp 1	4	1	

1.2	Khối lớp 2	4	1	
1.3	Khối lớp 3	4	1	
1.4	Khối lớp 4	4	1	
1.5	Khối lớp 5	4	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (bộ)	20	0	
2.1	Khối lớp 1 (bộ)	4	0	
2.2	Khối lớp 2 (bộ)	4	0	
2.3	Khối lớp 3 (bộ)	4	0	
2.4	Khối lớp 4 (bộ)	4	0	
2.5	Khối lớp 5 (bộ)	4	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	12	3 học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	15		
2	Cát xét	0		
3	Đầu Video/ đầu đĩa	1		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2		
5	Đàn Organ			
6	Thiết bị khác...			

- Khác

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			1		35
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lớp 1:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
-----------	------------------------------	--------------------	---------------------

1	Tiếng Việt 1 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật 1 (CTST)	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 1 (KNTT)	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 1 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 1 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 1 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 1 (KNTT)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Lớp 2:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng - Tổng Chủ biên; Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương - Đồng CB	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2 (KNTT)	Hà Huy Khoái - Tổng Chủ biên Lê Anh Vinh - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật (CTST-B1)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung - đồng Tổng Chủ biên; Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 2 (KNTT)	Lưu Thị Thủy, Bùi Sỹ Tụng - đồng Tổng Chủ biên; Nguyễn Thụy Anh - Nguyễn Thanh Bình - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 2 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan - Tổng Chủ biên Trần Thành Nam - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 2 (KNTT)	Vũ Văn Hùng - Tổng Chủ biên Nguyễn Thị Thấn - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 2 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn - Tổng Chủ biên; Lê Anh Thơ - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam

8	Âm Nhạc 2 (KNTT)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính - đồng Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 2	Hoàng Văn Vân- Tổng chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam

- Lớp 3:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật 3 (CTST-B1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 3 (KNTT)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 3 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 3 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 3 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 3 (KNTT)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 3 (I learn smart start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên)	NXB Đại học SP TP HCM
10	Công nghệ 3 (KNTT)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 3 (KNTT)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	

- Lớp 4:

Stt	Tên sách/ bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
-----	----------------------	-------------	---------------------------------

1	Toán 4 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Đạo đức 4 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Lịch sử - Địa lí (KNTT)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 4 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 4 (KNTT)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bách Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ (KNTT)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc (KNTT)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật (CTST-Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 4 (KNTT)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Anh Văn 4 (I learn smart start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên)	NXB Đại học SP TP HCM
12	Tiếng Việt 4 (KNTT)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương, Đặng Thị Hảo Tâm	

- Lớp 5:

TT	Môn học/ tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lệ Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
		Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hòa Tâm.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
2	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
4	Địa lý và lịch sử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
6	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

Tiêu chí 3.6	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chuẩn 4	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 4.1	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 4.2	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chuẩn 5	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 5.1	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 5.2	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 5.3	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 5.4	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Tiêu chí 5.5	×	×	×	×	×	×	×	×	×

* Kết luận tự đánh giá: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

- Quyết định số 1064/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2018 của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc công nhận trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm thị xã Buôn Hồ đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3;

- Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp bằng công nhận trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm thị xã Buôn Hồ đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan; (văn bản kèm theo)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục; (văn bản kèm theo)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; (văn bản kèm theo)

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; (văn bản kèm theo)

đ) Thực đơn hàng ngày của học sinh (nếu có): không

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024:

- + Chỉ tiêu giao: 71 học sinh
- + Đã tuyển: 95 HS
- + Vượt chỉ tiêu giao: 24
- + Lý do tuyển vượt chỉ tiêu: Học sinh ngoại tuyển đến học
- Tổng số học sinh chia theo từng khối:
 - + Khối lớp 1: 100; bình quân học sinh/ lớp: 33;
 - + Khối lớp 2: 96; bình quân học sinh/ lớp: 32;
 - + Khối lớp 3: 92; bình quân học sinh/ lớp: 30;
 - + Khối lớp 4: 102; bình quân học sinh/ lớp: 34;
 - + Khối lớp 5: 85; bình quân học sinh/ lớp: 28.
- Tổng số học sinh học 2 buổi/ ngày: 475/ 475; tỷ lệ: 100%.
- Tổng số học sinh: 475. Trong đó:
 - + Số học sinh nữ: 220; tỷ lệ: 46.2%;
 - + Số học sinh nam: 253; tỷ lệ: 53,8%;
 - + Số học sinh dân tộc thiểu số: 10;
 - + Số học sinh khuyết tật: 06.
- Số học sinh chuyển trường:
 - + Số học sinh chuyển đi: 16
 - + Số học sinh chuyển đến: 3

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp (văn bản kèm theo).

- Số học sinh hoàn thành Chương trình lớp học: 472/475, tỷ lệ: 99.36%;
- Số học sinh không hoàn thành Chương trình lớp học: 3, tỷ lệ: 0.64%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT thị xã;
- Bảng niêm yết công khai;
- Lưu: website, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hạnh